

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN TRÀ KHÚC 2**

Số: 164/TK2-QLDA

V/v đề nghị thẩm định bản đồ trích
đo địa chính khu đất tỷ lệ 1/2000
(đợt 3) để phê duyệt Phương án bồi
thường và lập thủ tục thu hồi đất,
chuyển mục đích sử dụng đất và
giao đất để xây dựng công trình:
Thủy điện Trà khúc 2; địa điểm xây
dựng: xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn Hạ, ngày 27 tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

UBND xã Sơn Hạ

Phòng Kinh tế xã Sơn Hạ.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về hoạt động đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;



Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Hà;

Căn cứ Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Sơn Hà;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Trà Khúc 2;

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (cấp lần đầu: ngày 21/01/2020), điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 10/8/2022;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (cấp lần đầu: ngày 21/01/2020), điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 10/8/2022; điều chỉnh lần thứ hai: ngày 26/04/2024;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất số 668-685/TB-UBND ngày 06/11/2024, Thông báo số 416 đến số 419/TB-UBND ngày 26/6/2025 của UBND huyện Sơn Hà về việc điều chỉnh các Thông báo số: 669; 679; 681; 684/TB-UBND ngày 06/11/2024 của UBND huyện Sơn Hà và Thông báo số 57/TB-UBND ngày 04/10/2025 của UBND xã Sơn Hạ thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Thủy điện Trà Khúc 2; địa điểm xây dựng: xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà (nay là xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi);

Căn cứ Công văn số 183/UBND-NNMT ngày 13/5/2025 của UBND huyện Sơn Hà về việc xác nhận hiện trạng sử dụng đất đối với các thửa đất có thay đổi diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thẩm định bản đồ địa chính khu đất thực hiện công trình: Thủy điện Trà khúc 2; địa điểm xây dựng: xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà (nay là xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi). Công văn số 1038/UBND-KT ngày 24/10/2025 của UBND xã Sơn Hạ về việc xác nhận hiện trạng sử dụng đất đối với các thửa đất có thay đổi diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thẩm định bản đồ địa chính khu đất thực hiện dự án: Thủy điện Trà khúc 2; địa điểm xây dựng: xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025 của UBND huyện Sơn Hà về việc thống nhất nội dung xác nhận loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất, nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân không có giấy tờ về quyền sử dụng đất để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Thủy điện Trà khúc 2; Địa điểm xây dựng: xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà (nay là xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi). Công văn số 1049/UBND-KT ngày 24/10/2025 của UBND xã Sơn Hạ về việc xác nhận loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất, nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân không có giấy tờ về quyền sử dụng đất để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Thủy điện Trà khúc 2; Hạng mục: Lòng hồ; Địa điểm xây dựng: xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi;

Đến nay, các thủ tục niêm yết công khai và kết thúc niêm yết phương án đã được thực hiện đầy đủ, không có trường hợp nào khiếu nại, thắc mắc và tranh chấp đất đai.

Để có cơ sở cho việc trình phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và lập thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất xây dựng dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, Công ty cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 kính đề nghị Phòng Kinh tế xã tham mưu UBND xã Sơn Hạ có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi kiểm tra, thẩm định bản đồ trích đo địa chính khu đất dự án: Thủy điện Trà khúc 2, tại xã Sơn Hạ, cụ thể như sau:

1. Khối lượng thực hiện đề nghị thẩm định đợt 3:

- Tổng số tờ bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/2000: 01 tờ;
- Tổng số thửa/tổng diện tích: 52 thửa/18.924,0 m²; mức khó khăn 1;
- Tổng diện tích quy hoạch: 13.000,2 m².

2. Đơn vị thực hiện đo đạc: Công ty Cổ phần đo đạc và xây dựng 168 Quảng Ngãi.

3. Cơ quan phối hợp thực hiện: UBND xã Sơn Hạ.

4. Đơn vị kiểm tra, giám sát: Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

(Kèm theo Bản đồ địa chính khu đất, bảng thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng)

Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Khúc 2 kính đề nghị Phòng Kinh tế xem xét, tham mưu UBND xã Sơn Hạ có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GPMB. 

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trường Sơn

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG THEO HIỆN TRẠNG

Dự án: Thủy điện Trà Khúc 2
Địa điểm: Xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi

Tờ 1, ĐVT: m²

Tờ bản đồ trích đo địa chính khu đất tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2025										Tờ BĐĐC BĐLN tỷ lệ 1/5000 đo vẽ năm 2007 hoặc thông tin GCN						Ghi chú
TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ bản đồ	Số thửa	Loại đất	Diện tích Thửa đất	Diện tích Quy hoạch			Tờ BĐĐC cũ	Tờ BĐĐC mới	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Giấy CNQSDĐ số năm		
						QH đã thẩm định đợt 1	QH thẩm định đợt 3	Tổng								
1	Đình Đế	1	27	LUC	188,0		143,2	143,2	15	16	127	176,0	Lúa	00725		
2	Đình Đế	1	33	LUC	222,9		11,0	11,0	15	16	128	156,0	Lúa	00725		
3	Đình Đế	1	37	LUC	104,9		0,4	0,4	15	16	129	76,0	Lúa	00725		
4	Đình Thị Bên	1	39	CLN	1076,4		179,8	179,8	11	16				xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025		
5	Đình Phố	1	40	CLN	739,0		717,6	717,6	11	16				xác nhận loại đất theo CV 1049/UBND-KT ngày 24/10/2025		
6	Đình Ngày	1	41	LUC	680,8		680,8	680,8	15	16	37	720,0	Lúa	xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025		

7	Đinh Thị Bền	1	42	LUC	143,3		143,3	143,3	11	16						xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025	
8	Đinh Lầy (chết) con Đinh Thị Thương	1	43	LUC	830,4		830,4	830,4	15	16	88	844,0	Lúa	00749			
9	Đinh Thị Bền	1	44	LUC	1380,7		85,1	85,1	11	16						xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025	Đinh Văn Thành
10	Đinh Nét	1	45	LUC	540,0		498,1	498,1	15	16	89	540,0	Lúa	00729			Đinh Văn Chín
11	Đinh Văn Nát	1	46	LUC	190,3		190,3	190,3	15	16	37	720,0	Lúa			xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025	Đinh Văn Lệ
12	Đinh Văn Nát	1	47	LUC	178,3		178,3	178,3	11	16						xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025	Đinh Văn Thành
13	UBND xã	1	48	BCS	627,7		627,7	627,7	11	16							
14	Đinh Văn Nát	1	49	LUC	56,2		56,2	56,2	15	16	37	720,0	Lúa			xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025	
15	Đinh Văn Nát	1	50	LUC	342,4		342,4	342,4	15	16	100	360,0	Lúa			xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-	

																	NNMT ngày 14/5/2025
16	Đinh Thị Bên	1	51	LUC	252,0				252,0	252,0	15	16	98	244,0	Lúa	00714	
17	Đinh Mà Ná	1	52	LUC	164,3				157,7	157,7	15	16	97	165,0	Lúa	có GCN	
18	Đinh Thị Bên	1	53	LUC	517,3				517,3	517,3	15	16	99	544,0	Lúa	00714	
19	Đinh Văn Nát	1	54	LUC	64,2				64,2	64,2	11	16				xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND- NNMT ngày 14/5/2025	
20	Đinh Văn Phun	1	55	HNK	126,2				126,2	126,2	11	16				xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND- NNMT ngày 14/5/2025	
21	Đinh Phương	1	56	HNK	468,2				468,2	468,2	11	16				xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND- NNMT ngày 14/5/2025	
22	UBND xã	1	57	BCS	777,1				777,1	777,1	11	16					
23	Đinh Áy (chết) vợ Đinh Thị Liều	1	58	LUC	150,6				150,6	150,6	15	16	102	124,0	Lúa	00705	
24	Đinh Thị San (chồng Đinh Bồ)	1	59	LUC	207,6				207,6	207,6	15	16	104	203,0	Lúa	00718	
25	Đinh Thị San (chồng Đinh Bồ)	1	60	LUC	206,8				206,8	206,8	15	16	105	224,0	Lúa	00718	
26	Đinh Thị Bên	1	61	LUC	268,5				268,5	268,5	15	16	106	270,0	Lúa	00714	

27	Đinh Thị Bền	1	62	LUC	207,7		16,4	16,4		15	16	95	223,0	Lúa	00714	
28	Đinh Đế	1	63	LUC	1899,7		86,5	86,5		11	16				xác nhận loại đất theo CV 1049/UBND-KT ngày 24/10/2025	
29	Đinh Trai	1	64	CLN	1737,2		624,9	624,9		11	16				xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025	
30	Đinh Thị Sim	1	65	LUC	114,9		114,9	114,9		11	16				xác nhận loại đất theo CV 1049/UBND-KT ngày 24/10/2025	
31	UBND xã	1	66	BCS	164,6		160,8	160,8		11	16					
32	Đinh Thị Sim	1	67	LUC	471,7		471,7	471,7		15	16	126	472,0	Lúa	00704	
33	Đinh Thái (vợ Đinh Thị Gay)	1	68	LUC	176,6		176,6	176,6		15	16	107	234,0	Lúa	00748	
34	Đinh Thị Sim	1	69	LUC	188,3		188,3	188,3		15	16	125	100,0	Lúa	00704	
35	Đinh Áy (chết) vợ Đinh Thị Liễu	1	70	LUC	77,0		77,0	77,0		15	16	103	113,0	Lúa	00705	
36	Đinh Áy (chết) vợ Đinh Thị Liễu	1	71	LUC	104,7		104,7	104,7		15	16	111	140,0	Lúa	00705	
37	Đinh Áy (chết) vợ Đinh Thị Liễu	1	72	LUC	298,4		298,4	298,4		15	16	101	330,0	Lúa	00705	
38	Đinh Áy (chết) vợ Đinh Thị	1	73	LUC	106,0		106,0	106,0		15	16	112	100,0	Lúa	xác nhận loại đất theo CV	

	Liều																	1049/UBND-KT ngày 24/10/2025
39	Đinh Ngày	1	74	HNK	324,2				324,2	324,2	11	16						xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025
40	Đinh Văn Trẻ	1	75	HNK	257,9				257,9	257,9	11	16						xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025
41	Đinh Liên	1	76	HNK	558,5				558,5	558,5	11	16						xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025
42	Đinh Thai (vợ Đinh Thị Gay)	1	77	LUC	197,4				197,4	197,4	11	16						xác nhận loại đất theo CV 1049/UBND-KT ngày 24/10/2025
43	Đinh Thị Sim	1	78	LUC	100,6				100,6	100,6	15	16	153	100,0	Lúa			xác nhận loại đất theo CV 1285/UBND-NNMT ngày 14/5/2025
44	Đinh Thị Sim	1	79	LUC	75,5				75,5	75,5	15	16	122	124,0	Lúa		00704	
45	Đinh Thị Sim	1	80	LUC	151,5				151,5	151,5	15	16	108	229,0	Lúa		00704	
46	Đinh Thị Sim	1	81	LUC	164,2				164,2	164,2	11	16						xác nhận loại đất theo CV 1049/UBND-KT ngày

[illegible]